



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT MONITORING

Số: 08 Đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P.An Bình, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

Điện thoại/Fax: 02923.891199 – 02923.735579 - Fax: 02923.815566

Email: ttqtnmt@cantho.gov.vn

Số hiệu: Bm05-TT17

Ngày BH: 10/02/2022

Số: 185/553/N/0624

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả: 03/7/2024

Trang 01/02

Khách hàng (Cơ quan): Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ

Địa chỉ: B15-1 đường 1A, Khu công nghiệp Hưng Phú 1, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ

Ngày thu/nhận mẫu: 19/6/2024

Ngày thử nghiệm: 19/6/2024

Loại mẫu (ký hiệu): Nước thải (NT2)

Số lượng: 01

Tình trạng mẫu: Bình thường

Lưu mẫu: ☒ Không; ☐ Có, đến ngày:

Đo đạc hiện trường: Có – Theo biên bản lấy mẫu hiện trường số 0131

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,22
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	TCVN 6625:2000	7
3	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8
4	Nhu cầu oxi hoá học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	24,0
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000	1,6
6	Tổng Phốtpho	mg/L	SMEWW 4500- P B&E:2017	0,2
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	KPH (MDL=0,16)
8	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B: 2017	KPH (MDL=0,001)
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B: 2017	KPH (MDL=0,001)
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B: 2017	KPH (MDL=0,0003)
11	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,14
12	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)
13	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,6
14	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,4x10 ¹
15	Độ màu ⁽¹⁾	Pt-Co	TCVN 6185:2015	22
16	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL=0,002)

1. Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu KQTN.



Số: 185/553/N/0624 KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Ngày trả: 03/7/2024

Trang 02/02

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
17	Hóa chất BVTV họ clo hữu cơ ⁽¹⁾	µg/L	US EPA Method 3510 + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH
	α-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	β-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	γ-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	δ-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Heptachlor	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Heptachlor epoxide	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Endosulfan I	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Endosulfan II	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Aldrin	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Dieldrin	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	4,4' - DDT	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	4,4' - DDE	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	4,4' - DDD	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Endrin adehyde	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Endosulfan sunfate	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Methoxychlor	µg/L		KPH (MDL=0,01)
18	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ ⁽¹⁾	µg/L	US EPA Method 3510 + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH
	Fenthion	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Malathion	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Chlopyrifos	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Parathion-ethyl	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Parathion-Methyl	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Diazinon	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Mevinphos	µg/L		KPH (MDL=0,01)

Ghi chú: thực hiện theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 29/8/2022 (mã số VIMCERTS 131).

⁽¹⁾phân tích ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Hải Âu.

“KPH”: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện.

- Vị trí thu mẫu: tại điểm đầu nổi nước thải của công ty vào cống thoát nước chung của khu công nghiệp Hưng Phú 1, tọa độ VN2000 (1104752; 590274)

TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC VÀ
THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Khánh Luân



GIÁM ĐỐC

Đoàn Thanh Tâm

1. Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu KQTN.